

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày 16 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Thẩm phán: Ông Tô Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Tu

Ông Chu Văn Kiêm

Bà Phạm Thị Châu Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Cao Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Đinh Văn L, sinh năm 1984 tại thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú thôn C, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Xuân L (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; có vợ Hoàng Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 03/11/2021 đến ngày 06/11/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay (có mặt).

Bị cáo Đinh Văn L từ chối người bào chữa theo chỉ định.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1954; nơi cư trú: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

2. Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

3. Ông Nguyễn Đình G, sinh năm 1957 và bà Đinh Thị P, sinh năm 1959. Nơi ĐKKHKT: số nhà 34, ngõ 860 đường B, phường T, quận H, thành phố H; nơi cư trú: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

Người làm chứng: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1957 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đình Văn L là lao động tự do ngoài ra ở địa phương L còn hành nghề thầy cúng. Thông qua việc cúng bái L quen biết và nhận làm anh em kết nghĩa với vợ chồng ông Nguyễn Đình G vợ là Đình Thị P. Thông qua ông G, bà P, L quen biết với bố con ông Nguyễn Hữu B, con là anh Nguyễn Hữu C. Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2020 đến tháng 5/2021, L đã đưa ra những thông tin không có thật nhằm mục đích để ông G, bà P, ông B và anh C tin đưa tiền cho L. Sau khi nhận được tiền L sử dụng chi tiêu cá nhân và bỏ trốn, chiếm đoạt của vợ chồng ông G, bà P số tiền 520.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông B số tiền 147.800.000 đồng; chiếm đoạt của anh C số tiền 760.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 3/2020, ông G bị mắc bệnh tai biến nên L đã cho ông G đến ở tại nhà của L và cho bà P đến ở cùng để tiện việc chăm sóc cho ông G. Hàng ngày L sử dụng ô tô Mazda CX8, biển kiểm soát 30G-534.73 của ông G đưa ông G đi chữa bệnh. Đến tháng 7/2020, do không có tiền ăn tiêu L nói dối với ông G và bà P là *“Mẹ của sư phụ L có tên là Sư thầy N, trụ trì chùa Địa Tạng Phi Lai Tự ở tỉnh H đang sống ở tại huyện K bị bệnh ung thư, do thầy N không về đưa mẹ đi chữa bệnh được nên cho L vay 60.000.000 đồng để L đưa mẹ thầy N đi chữa bệnh”*, ông G và bà P tin lời L nói đồng ý cho L vay tiền. Vì không có sẵn tiền nên ông G đã hỏi vay tiền của con gái tên là Nguyễn Thị H Hà, sinh năm 1982, trú tại xã K, huyện T, thành phố H số tiền 60.000.000 đồng và nói với chị H đưa số tiền này cho L vay, chị H đã đưa cho L 60.000.000 đồng tại nhà của chị H, hai bên không có viết giấy tờ sau khi nhận tiền L sử dụng để chi tiêu cá nhân.

Đến tháng 8/2020, để có tiền ăn tiêu L lại tiếp tục nói dối với vợ chồng ông G, bà P là *“L có 01 thửa đất ở xã N và đang tìm khách để bán, trước thửa đất có 01 chiếc cột điện nên bán giá không được cao, cho L vay 60.000.000 đồng để di chuyển cột điện đi nơi khác”*, L hứa sau khi bán được đất sẽ trả lại tiền cho vợ chồng ông G và bà P, ông G và bà P đồng ý và đã đưa cho L 60.000.000 đồng tại nhà của L, hai bên không viết giấy tờ sau khi nhận tiền L sử dụng chi tiêu cá nhân.

Khoảng tháng 3/2021, L tiếp tục nói dối vợ chồng ông G, bà P là *“L đang đầu tư mua 01 mảnh đất trị giá 1.400.000.000 đồng ở phía sau trụ sở Công an xã N, L đã có 1.300.000.000 đồng, cho L vay thêm 100.000.000 đồng để trả tiền mua đất”*, tin lời L, ông G, bà P đồng ý cho L vay nhưng nói là chưa có sẵn tiền mặt, thấy vậy L bàn với ông G và bà P mang chiếc ô tô Mazda CX8, biển kiểm soát 30G-534.73 đăng ký mang tên ông Nguyễn Đình G (số 760709 do Công an thành phố H cấp ngày 01/10/2020) đến Công ty cổ phần kinh doanh F88 (viết tắt là Công ty F88), chi nhánh đặt tại số nhà 117, đường T, phố 7, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình để thế chấp vay tiền. Ông G và bà P đồng ý thế chấp giấy tờ xe ô tô để lấy 100.000.000 đồng cho L vay. Thấy vậy L đã chủ động liên hệ với chị Trần Thị Hoài H, sinh năm 1977 là trưởng phòng kinh doanh của Công ty cổ phần F88, L sử dụng số điện thoại 0985.118.255 và số 0817.053.777 để liên hệ gọi đến số 0352.257.091 của chị H và giao dịch với chị H qua Zalo là *“HoaNang”*

để liên hệ việc thế chấp. Sau đó Lê đưa ông G, bà P đến làm thủ tục hợp đồng thế chấp vay tiền, trong khi làm thủ tục L nói với ông G và bà P cho L vay thêm 50.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất, L hứa trong 01 tháng sẽ bán đất trả đầy đủ tiền vay của Công ty F88. Tin lời L nói ông G và bà P đã đồng ý ký hồ sơ thế chấp xe ô tô Mazda CX8, biển kiểm soát 30G-534.73 vay của Công ty F88 số tiền 150.000.000 đồng đưa cho L.

Sau khi Công ty F88 chuyển 150.000.000 đồng vào tài khoản thẻ ATM của ông G (số 109871144278 - Ngân hàng Viettinbank) ông G đưa thẻ ATM cho L và L đã chuyển toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng sang tài khoản của L (số 104866900916- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam). Thấy hạn mức vay tiền tại Công ty F88 vẫn còn, L tiếp tục nói với ông G và bà P vay thêm của Công ty F88 cho L số tiền 250.000.000 đồng để mua đất ở xã N, thành phố N, ông G và bà P đồng ý. Ngày 12/4/2021, Công ty F88 đã giải ngân chi trả số tiền 250.000.000 đồng cho ông G (gồm 100.000.000 đồng tiền mặt và 150.000.000 đồng chuyển vào tài khoản thẻ ATM của ông G). Sau khi nhận tiền ông G đã đưa cho L 100.000.000 đồng tiền mặt, đưa thẻ ATM để L chuyển 150.000.000 đồng vào thẻ của L, có tiền L sử dụng chi tiêu cá nhân. Khi đến hạn trả nợ cho Công ty F88, ông G và bà P đã nhiều lần tìm gặp L để đòi nợ trả cho Công ty F88 nhưng không gặp được L, Công ty F88 đã tạm quản lý xe ô tô Mazda CX8, biển kiểm soát 30G-534.73 của ông G. Ngày 23/7/2021 ông G, bà P đã trả nợ cho Công ty F88 tổng số tiền là 439.140.000 đồng (gồm: 400.000.000 đồng tiền gốc và 39.140.000 đồng tiền lãi), Công ty F88 đã tắt toán trả lại xe ô tô Mazda CX8, biển kiểm soát 30G-534.73 cho ông G, bà P.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 3/2021, thông qua ông G và ông B là những người cao tuổi thôn H, L đã biết được việc nhân dân và Hội người cao tuổi thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình có chủ trương xin chuyển đổi mục đích và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 8.000 m² đất tại thôn H, xã N, huyện H để xây Chùa. Mặc dù không quen biết ai nhưng L vẫn nói với ông G, ông B là có mối quan hệ quen biết với nhiều người ở trên Bộ và ở tỉnh Ninh Bình, L có thể xin chuyển đổi mục đích và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) trong thời gian ngắn. Tin lời L nói ông G, ông B đồng ý nhờ L xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 8.000 m² đất cho Hội người cao tuổi thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình để làm Chùa.

Mặc dù đơn và tờ trình xin đất của nhân dân và Hội người cao tuổi của thôn H, xã N, huyện H chưa được các cấp có thẩm quyền xét duyệt, ông G, ông B không được thôn cử hay phân công làm thủ tục giấy tờ chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng tin lời L nói ông G, ông B, anh C đã tự đi đến nhà L nhờ L xin chuyển đổi mục đích và xin cấp GCNQSDĐ cho Hội người cao tuổi thôn H làm Chùa. L đồng ý và nói “*Nếu quyết tâm làm thì đưa cho L 115.000.000 đồng để nộp trước tiền thuế đất*”, ông B, ông G và anh C đồng ý. Khi về ông B đã tự bỏ tiền ra và đi vận động quyên góp của những người trong thôn H và Hội người cao tuổi được 115.000.000 đồng gồm: ông B số tiền 50.000.000 đồng, ông G số tiền 20.000.000 đồng, ông Đinh Văn L số tiền 20.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000 đồng, bà Vũ Thị N số tiền 10.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị D số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó ông B và anh C đã mang đến nhà L đưa cho L số

tiền 115.000.000 đồng, hai bên không viết giấy biên nhận.

Sau khi nhận được tiền, L đã sử dụng điện thoại di động truy cập vào mạng xã hội để tìm hiểu cách đặt làm GCNQSDĐ. Khi truy cập vào một tài khoản Facebook có tên là “Một nốt nhạc cho ngày mới”, L đã trao đổi, thỏa thuận đặt làm GCNQSDĐ giả với giá 25.000.000 đồng, về diện tích đất cấp cho Hội người cao tuổi thôn H do ông B cung cấp còn về các nội dung khác của GCNQSDĐ là do L tự viết nháp vào giấy khổ A4 vở học sinh sau đó L chụp ảnh bản nháp giấy GCNQSDĐ chuyển đến cho địa chỉ Facebook nói trên. Đến ngày 09/4/2021, tài khoản Facebook “Một nốt nhạc cho ngày mới” thông báo cho L biết đã làm xong GCNQSDĐ và chuyển cho L 02 hình ảnh mặt trước và mặt sau GCNQSDĐ. Ngay sau khi nhận được 02 hình ảnh L đã gửi tin nhắn Messenger Facebook, tài khoản “Hoa Nang” của L tới tài khoản “Nguyễn Đình G” của ông Nguyễn Đình G 02 hình ảnh mặt trước và mặt sau GCNQSDĐ và sử dụng điện thoại di động, số sim 0817.053.777 gửi qua tin nhắn Zalo đến điện thoại di động của anh C. Đến ngày 15/4/2021, L nhận được GCNQSDĐ giả và thanh toán cho shipper số tiền 25.000.000 đồng, L liền gọi điện thoại cho ông G và ông B nói đi ra nhà L để lấy GCNQSDĐ. Khi xem GCNQSDĐ ông G phát hiện chưa ghi ngày, L liền lấy bút bi viết số 15 vào (15/4/2021) sau đó đưa GCNQSDĐ cho ông B và nói với ông B mang về thông báo cho mọi người biết. Nội dung GCNQSDĐ L đưa cho ông B ghi *“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 569642. Tên người sử dụng đất “Hội người cao tuổi thôn H” địa chỉ thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Thửa đất số 10. Tờ bản đồ số PL 10. Địa chỉ thửa đất xã N. Diện tích 8.000m². Hình thức sử dụng, sử dụng riêng 8.000m². Mục đích sử dụng, đất ở tại nông thôn. Thời hạn sử dụng, lâu dài. Nguồn gốc sử dụng, nhà nước giao đất có thu tiền. Ngày 15 tháng 4 năm 2021. Thay mặt UBND huyện Bùi Duy Q”. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 09417/2021/xã N”*.

Ngày 20/4/2021 (ngày 09/3/2021 âm lịch) ông G, ông B cầm GCNQSDĐ ra nhà văn hóa thôn H để công bố cho mọi người xem cho đến khoảng tháng 5/2021 nghe thấy dư luận có người nói là GCNQSDĐ là giấy giả, sợ bị lộ nên L đã gọi điện thoại cho ông G bảo ông B mang GCNQSDĐ cùng tài liệu thiết kế đến đưa cho L để xin giấy phép xây dựng Chùa, lệ phí xin giấy phép xây dựng là 32.800.000 đồng, ông G nói lại cho ông B biết. Ông B đã phô tô GCNQSDĐ và giữ lại bản phô tô đồng thời vay của bà Đỗ Thị L số tiền 20.000.000 đồng, ông Nguyễn Hữu Đ số tiền 12.800.000 đồng đều là những người cao tuổi thôn H, tổng cộng số tiền vay là 32.800.000 đồng đưa cho L cùng GCNQSDĐ. Khi lấy lại được GCNQSDĐ L nói đã làm mất còn tiền L sử dụng chi tiêu cá nhân.

Vụ thứ ba: Khoảng tháng 4/2021, L nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Hữu C, biết anh C làm nghề sản xuất, kinh doanh đá mỹ nghệ, L đã đưa ra những thông tin và sự việc không có thật để anh C tin đưa tiền cho L, L nói *“Tại tỉnh Đắc Lắc đang có dự án xây dựng chùa Hội Quán toàn bằng đá có giá trị 100 tỷ đồng, dự án này do một nhà sư ở Singapo, là sư phụ của sư thầy Thích T chủ trì chùa tại Đắc Lắc và sư thầy N chủ trì chùa Địa Tạng Phi Lai Tự ở tỉnh H tài trợ”*. L nói muốn giúp anh C nhận làm công trình này nhưng phải đầu tư chi phí để ngoại giao. Thấy L nói giúp nhận làm công trình xây dựng chùa bằng đá nên anh C đã đồng ý, sau đó L và anh C thường xuyên trao đổi, liên lạc bằng số

điện thoại di động với nhau (số điện thoại của L là 0985.118.255 và 0817.053.777), (số điện thoại của anh C là 0978.916.080) để nói chuyện về việc chạy dự án xây dựng chùa bằng đá. Từ tháng 4/2021 đến tháng 5/2021, anh C đã nhiều lần đưa tổng số tiền 760.000.000 đồng cho L, có được tiền L sử dụng chi tiêu cá nhân, sau đó bỏ trốn không trả nợ, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng tháng 4/2021, L nói dối với anh C cần tiền lót tay để lựa chọn người cung cấp nguyên liệu và đảm nhiệm thi công. Anh C và L đã hẹn gặp nhau tại quán cà phê tại phố N, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Tại đây anh C đã đưa cho L số tiền 60.000.000 đồng, hai bên không viết giấy tờ giao nhận, việc giao nhận tiền có sự chứng kiến của ông B, ông G và bà P.

- Lần thứ hai: Khoảng cuối tháng 4/2021, L nói dối với anh C cần tiền để mua quà cho nhà thiết kế, người phiên dịch và đại diện của Hội Quán về thăm quê. Tin lời L nói anh C đã đưa cho L số tiền 250.000.000 đồng tại nhà của L. Hai bên không viết giấy tờ giao nhận nhưng có sự chứng kiến của ông G và bà P.

- Lần thứ ba: Ngày 17/4/2021, L hỏi vay anh C số tiền 130.000.000 đồng nói dối là mua thêm 01 thửa đất ở xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, L hứa sau khi bán đất sẽ hoàn trả. Anh C đã đến nhà L đưa cho L số tiền 130.000.000 đồng, có tiền L trả nợ cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và sử dụng chi tiêu cá nhân.

- Lần thứ tư: Ngày 04/5/2021, L nói dối với anh C cần tiền để đi sang Singapo đón sự về ký kết hợp đồng xây dựng chùa Hội Quán. Ngày 04/5/2021 anh C đã chuyển khoản tại Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Ninh Bình (Viettinbank) cho L 02 lần, mỗi lần số tiền 150.000.000 đồng đến tài khoản của L là 105860135888, tổng số tiền là 300.000.000 đồng.

- Lần thứ năm: Ngày 23/6/2021, L đến nhà anh C hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng nói dối là để lo đám ma cho mẹ của sư phụ N tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Anh C đã cùng vợ là chị Hoàng Thị Xuân T chuyển số tiền 20.000.000 đồng qua Ngân hàng VP Bank đến số tài khoản 105860135888 của L.

Đến đầu tháng 7/2021 không thấy L trả lại tiền các ông Nguyễn Hữu B, Nguyễn Đình G, bà Đình Thị P, anh Nguyễn Hữu C đã đến nhà tìm nhưng không gặp được L, gọi điện thoại thì L tắt máy không liên lạc được, không ai biết L ở đâu. Ngày 26/7/2021 và ngày 28/7/2021 các ông Nguyễn Hữu B, Nguyễn Đình G, bà Đình Thị P, anh Nguyễn Hữu C đã làm đơn gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Ninh Bình và đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình tố cáo hành vi lừa đảo của Đình Văn L. Ngày 01/11/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã ra Quyết định truy nã số 02/QĐ-VPCQCSĐT đến ngày 03/11/2021 bắt được L tại phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Quá trình điều tra Đình Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

*** Kết quả khám xét, thu giữ vật chứng:**

- Ngày 07/9/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Ninh Bình đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đình Văn L tại thôn C, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình thu giữ: 02 sim điện thoại di động số 0985.118.255 và 0817.053.777, L khai nhận đã sử dụng 02 số sim điện thoại nêu trên vào việc phạm tội. Thu giữ 06 tờ giấy khổ A4 vở học sinh có dòng kẻ, L khai nhận nội

dung là bản phác thảo GCNQSDĐ do L viết gửi tài khoản “Một nốt nhạc một ngày mới” để làm GCNQSDĐ giả.

- Ông Nguyễn Đình G giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax màu đen kiểm tra phần mềm ảnh lưu trong máy có 04 hình ảnh GCNQSDĐ cấp cho Hội người cao tuổi thôn H. Kiểm tra phần tin nhắn có nội dung liên quan đến việc vay tiền tại Công ty F88. Liên quan đến việc xin cấp GCNQSDĐ (52 trang). Kiểm tra phần tin nhắn Messenger Facebook, tài khoản “Hoa Nang” của Đình Văn L gửi tới tài khoản “Nguyễn Đình G” của ông Nguyễn Đình G có 02 hình ảnh mặt trước và mặt sau GCNQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 15/4/2021 cho Hội người cao tuổi thôn H.

- Quá trình điều tra Công ty F88 đã cung cấp toàn bộ hồ sơ, giấy tờ, hợp đồng liên quan đến việc thế chấp xe ô tô để vay tiền cho Đình Văn L.

- Thu giữ của ông Nguyễn Hữu B và ông Nguyễn Đình T: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 569642 bản phôi có nội dung như trên.

- Thu giữ của ông Nguyễn Hữu B:

- + 01 quyển sổ màu hồng ông B ghi số tiền vay của một số người thôn H.

- + 01 bản sao trích biên bản họp thôn

- + 01 bản sao từ trình xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất

- + 03 bản sao đơn xin xây dựng chùa

- + 01 bản sao đơn xin chuyển đổi mục đích

- + 01 danh sách đại diện các hộ nhất trí xin đất làm chùa

- Anh Nguyễn Hữu C giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu vàng, số sim là 0978.916.080. Kiểm tra phần mềm tin nhắn Zalo có 01 tin nhắn từ tài khoản Zalo “Số Cậu” sử dụng sim số 0817.053.777 gửi đến tài khoản “Nguyễn Hữu C” nội dung có 02 hình ảnh mặt trước và mặt sau GCNQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 15/4/2021 cho Hội người cao tuổi thôn H. Anh C nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra 29 tờ giấy A4 in sao kê các tin nhắn giữa L và anh C có nội dung L nhắn cho anh C “Hứa đến 14/4/2021 sẽ mang sổ về đưa cho ông B và ông Gg”

- Thu giữ bản sao kê chi tiết giao dịch chuyển tiền tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Ninh Bình nội dung thể hiện ngày 04/5/2021 vợ chồng anh C và chị T chuyển tiền cho L 02 lần, mỗi lần số tiền 150.000.000 đồng, tổng số tiền là 300.000.000 đồng.

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động Vivo và Samsung Galaxy của Lê sử dụng trong quá trình thực hiện tội phạm, L khai đã làm mất nên không thu giữ được.

*** Kết quả giám định và xử lý vật chứng:**

- Ngày 03/3/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã có công văn đề nghị Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình giám định hình ảnh GCNQSDĐ chụp bằng điện thoại di động để xác định là thật hay giả. Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình đã có văn bản trả lời “*Không thể xác định được tài liệu cần giám định là thật hay giả khi không thu được tài liệu bản gốc*”.

- Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản kiểm tra, sao trích hình ảnh và nội dung có trong điện thoại của ông Nguyễn Đình G và anh Nguyễn Hữu C.

Ngày 26/3/2022 đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 02 chiếc điện thoại cho ông Nguyễn Đình G và anh Nguyễn Hữu C. Quá trình điều tra đã tiến hành ghi âm, ghi hình việc hỏi cung bị can sau đó lưu giữ trong băng đĩa hình và chuyển theo hồ sơ vụ án cùng với các tài liệu khác.

*** Kết quả điều tra xác minh**

- Ngày 25 và 27/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đã tiến hành làm việc với ông Bùi Duy Q - Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Ninh Bình, làm việc với ông Vũ Vĩnh T - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Ninh Bình. Kết quả như sau: Thửa đất số 10, tờ bản đồ PL10 trên bản đồ địa chính xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình diện tích 8.000m² là thửa bỏ, không có trên bản đồ. Giấy CNQSDĐ số AC 569642 ngày 15/4/2021 trên hình ảnh điện thoại và bản phô tô không phải là phôi, mẫu đang sử dụng. Năm 2021, UBND huyện H phân công cho ông Nguyễn Quốc H là Phó chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Ninh Bình có thẩm quyền ký cấp GCNQSDĐ, ông Bùi Duy Q không ký cấp GCNQSDĐ.

- Ngày 31/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Ninh Bình làm việc với ông Vũ Ngọc T là Chủ tịch UBND xã N, huyện H và ông Nguyễn Đình N là Trưởng thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, kết quả như sau: Do nhu cầu không có đất xây dựng chùa, nhân dân thôn H đã họp bàn thống nhất giao cho ông Nguyễn Đình N trưởng thôn có trách nhiệm làm thủ tục, hồ sơ đề nghị UBND xã N cấp đất 5% của thôn H vào đất tôn giáo để xây chùa. UBND xã N đã đề nghị UBND huyện H, tỉnh Ninh Bình bổ sung quy hoạch. Hiện đất 5% đang do thôn H, xã N quản lý. Ông Nguyễn Hữu B là tổ trưởng tổ làng nghề (do thôn bầu) đã tự mình trao đổi với ông G và tự đi quyên góp tiền và tự lo việc cấp giấy tờ, thôn không giao cho ai hay đoàn thể nào đứng ra lo việc cấp GCNQSDĐ.

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã ủy thác cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk và tiến hành xác minh tại chùa Địa Tạng Phi Lai Tự ở xã L, huyện T, tỉnh H làm rõ việc Đình Văn L nói có quen biết với sư Thích Tâm An và nhà sư N, kết quả như sau:

+ Chùa Địa Tạng Phi Lai Tự ở xã L, huyện T, tỉnh H không có mối quan hệ gì với Đình Văn L. Từ trước tới nay chùa không có nhà sư nào có pháp danh “Nhân Tâm” cư trú và tu hành.

+ Các ngôi chùa tại tỉnh Đắk Lắk không có nhà sư nào có pháp danh là “Thích Tâm An” cư trú và tu hành.

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã tiến hành xác minh tại UBND xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình và Văn phòng đăng ký nhà đất thành phố N, tỉnh Ninh Bình, kết quả như sau: Đình Văn L không sở hữu, mua bán, chuyển nhượng bất động sản, không đăng ký quyền sử dụng đất đối với bất cứ thửa đất nào trên địa bàn xã N, thành phố N. Ngôi nhà gia đình Đình Văn L đang ở tại thôn C, xã N, thành phố N được xây dựng trên thửa đất do ông cha để lại chưa được cấp giấy tờ hợp pháp.

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã xác minh số tài khoản và số điện thoại di động thu giữ được, kết quả như sau:

+ Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Ninh Bình, các số tài khoản 105860135888 và số 104866900916 là của Đình Văn L. Tài khoản

số 109871144278 là của Nguyễn Đình G.

+ Tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Nam Ninh Bình số tài khoản 3302205018947 là của Nguyễn Hữu C. Phụ lục kèm theo có thể hiện ngày 04/5/2021 cho “Cậu L” vay tiền.

+ Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel Ninh Bình cung cấp số thuê bao 0985.118.255 là của Đình Văn L, sinh năm 1984 trú tại C, xã Nn, thành phố N.

+ Ngày 06/6/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã tiến hành xác minh tại Công ty TNHH chuyển phát nhanh Thuận Phong, Ninh Bình: Kết quả hệ thống không lưu thông tin về việc ngày 15/4/2021 Công ty có giao cho L (thông qua shipper) 01 đơn hàng và nhận số tiền 25.000.000 đồng.

*** Về trách nhiệm dân sự**

- Trong quá trình điều tra vụ án chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 trú tại số 183, phố Đ, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình là bạn của L đã trả cho L số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền này chị T vay của L trước khi L phạm tội. L đã đề nghị Cơ quan điều tra để chị T trả số tiền này cho ông Nguyễn Hữu B. Sau khi nhận được tiền ông B đã trả lại cho ông Nguyễn Đình G số tiền 20.000.000 đồng; ông Đình Văn L số tiền 20.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị D số tiền 5.000.000 đồng; bà Đỗ Thị L số tiền 20.000.000 đồng; ông Nguyễn Hữu Đ số tiền 12.800.000 đồng, tổng số tiền là 97.800.000 đồng. Các ông, bà nêu trên đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm.

- Số tiền L chiếm đoạt của ông B là 147.800.000 đồng, L đã bồi thường được số tiền 100.000.000 đồng L còn phải trả cho ông B số tiền 47.800.000 đồng.

- Đối với số tiền 60.000.000 đồng ông G, bà P vay của chị Nguyễn Thị Hồng H để đưa cho L. Bà P đã tự bỏ tiền ra trả cho chị H, do đó L phải trả lại cho ông G, bà P số tiền 60.000.000 đồng. Ngoài ra L còn phải trả cho ông G, bà P số tiền đã chiếm đoạt 460.000.000 đồng, tổng số tiền là 520.000.000 đồng. Riêng số tiền lãi phát sinh trong quá trình vay nợ của Công ty F88 là 39.140.000 đồng, ông G, bà P không yêu cầu L phải trả.

- Anh Nguyễn Hữu C yêu cầu L phải trả tổng số tiền đã chiếm đoạt là 760.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKS NB-P2 ngày 10 tháng 10 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị can Đình Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình có Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 02/2022/HSST-QĐ đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2022/TLST-HS ngày 13/10/2022 cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình để điều tra bổ sung những vấn đề sau: Giám định hình ảnh của GCNQSDĐ Lệ chuyển cho ông Nguyễn Đình G và anh Nguyễn Hữu C có là ảnh bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không?. Giám định chữ viết trong giấy nháp vào giấy khổ A4 vở học sinh với nội dung “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 569642. Tên người sử dụng đất; vị trí sơ đồ thửa đất...” tại bút lục 20 có phải là chữ viết của L hay không?. Sau khi kết thúc điều tra khi có đầy đủ căn cứ ngoài việc truy tố tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì cần truy tố thêm đối với Đình Văn L về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài

liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự và áp dụng nguyên tắc tội ghép.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình có Công văn số 01/CV-VKS NB-P2 trả lời đối với Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 02/2022/HSST-QĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình như sau. Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Cáo trạng số 16/CT-VKS NB-P2 ngày 10 tháng 10 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, sau khi xem xét quyết định trả hồ sơ nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình nhận thấy với mục đích chiếm đoạt tài sản Đinh Văn L đưa ra các thông tin gian dối là mình có khả năng xin chuyển đổi mục đích sử dụng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 8000 m² đất để xây dựng chùa cho Hội người cao tuổi thôn H, xã N, huyện H nên bị cáo đã nhận số tiền 115.000.000 đồng của một số người trong Hội. Sau đó bị cáo lên mạng internet tìm và cung cấp thông tin cho một người không quen biết để làm GCNQSDĐ giả số AC 569642 với giá 25.000.000 đồng rồi giao lại cho ông B, ông G như cam kết. Khi bị phát hiện đó là GCNQSDĐ giả L lấy lý do để xin cấp giấy phép xây dựng chùa nên đã lấy lại giấy chứng nhận trên kèm theo chi phí là 32.800.000 đồng từ ông G và ông B. Đối với GCNQSDĐ giả số AC 569642 đây là thủ đoạn gian dối để thực hiện cam kết với người bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên trong quá trình điều tra xác định giấy tờ giả đã bị tiêu hủy. Cơ quan điều tra chỉ thu giữ được bản phô tô và hình ảnh từ phía bị hại, những tài liệu này Cơ quan giám định đã kết luận *“Không thể xác định được tài liệu cần giám định là thật hay giả khi không thu được tài liệu bản gốc”*. Như vậy mặc dù bị can thừa nhận hành vi của mình nhưng không đủ căn cứ vững chắc để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can về tội *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”* do đó yêu cầu giám định chữ viết và hình ảnh trong điện thoại không có ý nghĩa và không cần thiết trong việc giải quyết vụ án. Từ những căn cứ nêu trên, căn cứ các Điều 41, 165, 280 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng số 16/CT-VKS NB-P2 ngày 10 tháng 10 năm 2022 và chuyển lại hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Đinh Văn L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa các bị hại ông Nguyễn Hữu B, anh Nguyễn Hữu C và ông Nguyễn Đình G đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Đinh Văn L trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của họ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đinh Văn L phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đinh Văn L từ 13 năm đến 15 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 03/11/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đinh

Văn L.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự, bị cáo Đinh Văn L phải trả lại tổng số tiền 1.327.800.000 đồng đã chiếm đoạt còn lại cho các bị hại cụ thể như sau: ông Nguyễn Hữu B số tiền 47.800.000 đồng; ông Nguyễn Đình G và bà Đinh Thị P số tiền 520.000.000 đồng; anh Nguyễn Hữu C số tiền 760.000.000 đồng.

Bị cáo Đinh Văn L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đinh Văn L: Đề nghị xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Người bào chữa: Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, bị cáo Đinh Văn L được điều từ chối người bào chữa do các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định. Hội đồng xét xử chấp nhận và chấm dứt việc chỉ định người bào chữa theo quy định tại khoản 3 Điều 77 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo được thực hiện quyền tự bào chữa.

Tại phiên tòa bị cáo Đinh Văn L thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đúng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các lời khai của các bị hại và người làm chứng; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích chiếm đoạt tài sản, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2020 đến tháng 5/2021, lợi dụng sự quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Đình G, bà Đinh Thị P và bố con ông Nguyễn Hữu B anh Nguyễn Hữu C, đều trú tại xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, Đinh Văn L đã đưa ra những thông tin và những sự việc không có thật như cần tiền chữa bệnh, đầu tư mua đất, hứa chuyển mục đích sử dụng đất và chạy dự án xây dựng để những người này đưa tiền cho L, sau khi nhận được tiền L đã sử dụng chi tiêu cá nhân và bỏ trốn, chiếm đoạt tổng số tiền là 1.427.800.000 đồng, trong đó chiếm đoạt của vợ chồng ông G bà P 520.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông B 147.800.000 đồng, chiếm đoạt của anh C 760.000.000 đồng,

Hành vi của bị cáo Đinh Văn L xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ; đã phạm tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*”, tội phạm và hình phạt được quy tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2...

3...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ đồng thời gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, do đó cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp: Đinh Văn L chiếm đoạt tài sản của nhiều người, nhiều lần, do đó bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Đinh Văn L thành khẩn khai báo, đã bồi thường và khắc phục được một phần hậu quả vì đã trả được cho ông Bình số tiền 100.000.000 đồng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, song chỉ được xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức độ nhất định vì số tiền bồi thường khắc phục hậu quả là nhỏ so với tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt (1.427.800.000 đồng).

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo Đinh Văn L phải cách ly xã hội một thời gian dài là phù hợp với những quy định của pháp luật; ngoài ra, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đinh Văn L theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bị hại, buộc bị cáo Đinh Văn L phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt chưa trả, gồm có:

Ông Nguyễn Hữu B bị chiếm đoạt 147.800.000 đồng, L đã bồi thường được 100.000.000 đồng, L còn phải trả cho ông Bình là 47.800.000 đồng;

Vợ chồng ông Nguyễn Đình Gg bà Đinh Thị P với số tiền là 520.000.000 đồng;

Anh Nguyễn Hữu C với số tiền là 760.000.000 đồng.

[4] Về các tình tiết và hành vi có liên quan trong vụ án :

Đối với người mà Đinh Văn L thuê làm GCNQSDĐ giả, do L giao dịch với người này trên mạng xã hội, L không xác định được tên, tuổi địa chỉ của người này nên không có căn cứ điều tra làm rõ.

Trong đơn tố cáo của vợ chồng ông Nguyễn Đình G và bà Đinh Thị P ngày 28/7/2021 còn nêu: Tháng 6/2021, Đinh Văn L còn vay của ông Giang và bà Phương 02 dây chuyền vàng, 02 nhẫn vàng trị giá khoảng 27.000.000 đồng. Tháng 7/2021, L mượn xe mô tô BKS 29D2-324.09 của chị Nguyễn Thị Hồng H con của ông G và bà P trị giá khoảng 16.000.000 đồng chưa trả.

Quá trình điều tra xác định : 01 dây chuyền và 01 nhẫn vàng tây bà P tự nguyện đưa cho L để tiến cúng vào chùa, 01 dây chuyền và 01 nhẫn vàng ta là của L gửi bà Phương giữ hộ, bà P đã trả lại cho L. Đối với chiếc xe mô tô BKS 29D2-324.09, tháng 7/2021 L mượn của chị Nguyễn Thị Hồng H để đi lại, đến tháng 8/2021 L đã trả lại cho chị H, bà P không biết L đã trả, chị H không nói với bà P nên bà P đã làm đơn trình báo. Xét thấy 02 vụ việc trên không có dấu hiệu tội phạm nên không xem xét xử lý.

Cơ quan điều tra khám xét thu giữ tại nhà của L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo) mang tên ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. L khai ông T nhờ L chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng cây, đất nuôi trồng thủy sản thành đất ở, ông T không xác nhận sự việc này, chỉ khai nhận khoảng tháng 4/2021 L có trả cho ông T tiền L nợ, tiền ở đâu mà có ông T không biết. Do đó không đủ căn cứ để điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra L còn khai nhận cho em trai là Đinh Văn Q sinh năm 1986 trú tại số nhà 77B, đường P, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vay tiền. Anh Q không biết tiền là do đâu mà có, không biết gì về hành vi phạm tội của L, đến nay anh Q chưa trả lại cho L. Xét đây là quan hệ dân sự không có dấu hiệu tội phạm nên không xem xét xử lý.

[5] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra truy tố về cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[6] Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, Đinh Văn L còn khai nhận việc thuê làm GCNQSDĐ giả để lừa đảo chiếm đoạt tiền, quá trình điều tra không thu giữ được bản gốc nên không thực hiện được việc giám định.

Ngày 20/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã có Quyết định số 01/HSST-QĐ trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung, trong đó có yêu cầu: iám định hình ảnh của GCNQSD đất L chuyển cho ông Nguyễn Đình G và anh Nguyễn Hữu C có là ảnh bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không?; Giám định chữ viết trong giấy nháp vào giấy khổ A4 vở học sinh với nội dung: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 569642. Tên người sử dụng đất; Vị trí sơ đồ thửa đất...” tại Bút lục 20, có phải là chữ viết của L hay không?; Sau khi kết thúc điều tra, khi có đầy đủ căn cứ ngoài việc truy tố tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” thì cần truy tố thêm đối với Đinh Văn L tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự và áp dụng nguyên tắc tội ghép.

Tại Công văn số 01/CV-VKSNB-P2 ngày 03/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quyết định truy tố và khẳng định: Cơ quan Điều tra chỉ thu giữ bản photo và hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 569642, không thu được tài liệu gốc nên không đủ căn cứ vững chắc để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đinh Văn L tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tiếp tục điều tra về hành vi Đinh Văn L làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để truy tố theo quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo Đinh Văn L bị kết án bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Đinh Văn L** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo Đinh Văn L 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ: 03/11/2021, phạt bổ sung bị cáo số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đinh Văn L phải trả lại tổng số tiền 1.327.800.000 đồng đã chiếm đoạt còn lại cho các bị hại, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Hữu B số tiền: 47.800.000 đồng (bốn mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng);

- Ông Nguyễn Đình G và bà Đinh Thị P số tiền: 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng);

- Anh Nguyễn Hữu C số tiền: 760.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí: Bị cáo Đinh Văn L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 51.830.000 đồng (năm mươi một triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND cấp cao: 01 bản;

- VKSND cấp cao: 01 bản;

- VKSND tỉnh Ninh Bình: 03 bản;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Phòng Kiểm tra THA: 05 bản;
 - Văn phòng Công an tỉnh: 01 bản;
 - Phòng PC10 Công an tỉnh: 01 bản;
 - Phòng HS&NV CA tỉnh: 01 bản;
 - Trại tạm giam: 01 bản;
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
 - Bị cáo: 01 bản;
 - Bị hại: 03 bản;
 - Lưu hồ sơ: 02 bản;
 - Lưu tòa và HCTP: 02 bản;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

Nguyễn Đức Hiệp